TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án: 146/HNGĐ/ST
Ngày 28/09/2020
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT,TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B không tham gia.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2020/QĐXX-ST ngày 18/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2020/QĐ HPT ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ở: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt);

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký HKTT tại: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ở: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố B, bà T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hùng A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày 05/01/2010;

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, làm cho

tình cảm vợ chồng sứt mẻ không thể hàn gắn được. Đến tháng 3/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông A.

Về con chung: Tôi và ông A có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/8/2011, hiện nay cháu Q đang ở với tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và ông A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và ông A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Mặc dù, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi được ý kiến của bị đơn và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:*

- Đây là vụ án: "Xin ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

- Bị đơn, đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo thủ tục quy định chung.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:***

[2.1] *Về hôn nhân:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, A em, bạn bè khuyên giải và chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên ông bà đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông A, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T cần

được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Ông bà có 01 con chung là: Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/8/2011. Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông A vẫn cố tình vắng mặt. Vì thế, Tòa án không ghi được ý kiến của ông A về yêu cầu này của nguyên đơn. Qua xem xét hồ sơ vụ án cho thấy: Ông A không có trách nhiệm gì đến gia đình và con cái. Do vậy, nghĩ để cuộc sống của cháu Q được đảm bảo thì cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] *Về tài sản:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] *Về án phí:* Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà T phải chịu án phí HNGĐ-ST là: 300.000đồng.

- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà* Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hùng A.

2. Về con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/8/2011 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hùng A được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2019/0007801 ngày 07/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

6.Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Nguyễn Hùng A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường Ea Tam, TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An